

Đơn vị: Trường Mầm non Nguyễn Thái Bình

Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	Dự toán thu				
I	Tổng số thu	320	-	0%	
1	Thu học phí	320	-	0%	
2	Thu sự nghiệp khác	1.342	1.611	120%	
	- Thiết bị, vật dụng phục vụ hs bán trú	79	161	204%	
	- Vệ sinh bán trú	90	84	93%	
	- Tổ chức phục vụ bán trú	895	847	95%	
	- Học phí hè	0	116	#DIV/0!	
	- Phục vụ ăn sáng	198	308	155,515%	
	- Năng khiếu	80	96	120,0000%	
II	Số được để lại chi theo chế độ	280.000	-	0%	
1	Thu học phí	280.000	-	0%	
2	Thu sự nghiệp khác	1.155.579	1.611	0%	
	- Thiết bị, vật dụng phục vụ hs bán trú	79	161	203,544%	
	- Vệ sinh bán trú	87.750	84	0,096%	
	- Tổ chức phục vụ bán trú	789.750	847	0,107%	
	- Học phí hè	0	116	0	
	- Phục vụ ăn sáng	198.000	308	0,156%	
	- Năng khiếu	80.000	96	0%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Loại 071	4.222	843	20%	
1	Tiền lương	1.337	1.728	129,245%	
2	Tiền công trả cho l/động th/xuyên theo HĐ	175	17	10%	
3	Phụ cấp lương	1.576	990	63%	
5	Các khoản đóng góp	396	121	31%	
6	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	611	3	0%	
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	125	12	10%	
8	Vật tư văn phòng	20	22	110%	
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	23	2	9%	
10	Hội nghị				
11	Công tác phí	30	12	40%	
12	Chi phí thuê mướn				
13	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	117	490	419%	
14	Chi phí nghiệp vụ ch/môn của ngành	34.800		0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
15	Chi lập các quỹ	-	-	0%	
16	Mua, đầu tư tài sản vô hình	-	-	0%	
17	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	20	15	75%	
13	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	500	500	100%	
14	Chi phí nghiệp vụ ch/môn của ngành				
15	Trích lập quỹ				
15.1	Quỹ phúc lợi		217		
15.2	Quỹ khen thưởng		55		
15.3	Quỹ phát triển		11		
16	Mua, đầu tư tài sản vô hình				
17	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn				
III	Dự toán chi nguồn thu sự nghiệp khác	529.978	959	0%	
1	Tiền công trả cho l/động th/xuyên theo HĐ	165	132	80%	
2	Phụ cấp lương	7	4	65%	
3	Phúc lợi tập thể	800	573	72%	
4	Các khoản đóng góp	24	-	0%	
5	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	189	225	119%	
6	Thanh toán dịch vụ công cộng	16	-	0%	
7	Vật tư văn phòng	33	5	15%	
8	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	13	-	0%	
9	Hội nghị				
10	Công tác phí		-		
11	Chi phí thuê mướn				
12	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	98.700	82	0%	
13	Chi phí nghiệp vụ ch/môn của ngành	327.655	-	0%	
13.1	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho ch/môn của ngành	165.255	138	0%	
13.2	Trang thiết bị kỹ thuật	57.900	-	0%	
13.3	Chi mua, in ấn, phô tô tài liệu chỉ dùng cho ch/môn của ngành	8.200	1	0%	
13.4	Trang phục, đồng phục	19.500	-	0%	
13.5	Bảo hộ lao động	9.500	-	0%	
13.6	Sách tài liệu dùng cho chuyên môn	25.700	-	0%	
13.7	Chi phí khác	41.600	-	0%	
14	Chi lập các quỹ	103.100		0%	
14.1	Quỹ phúc lợi	75.800	-	0%	
14.2	Quỹ khen thưởng	12.500	-	0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
14.3	Quỹ phát triển	14.800	-	0%	
15	Mua, đầu tư tài sản vô hình	0			
16	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	77	20	26%	
16.1	Thiết bị tin học	46	20	44%	
16.2	Tài sản khác	31	-	0%	

Ngày 05 tháng 1 năm 2023
Hiệu trưởng

Lê Xuân Thùy